

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HSST
Ngày: 06/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thúy Cầu.
Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ven.
2. Ông Thái Vĩnh Bình.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Yến - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Ông Phạm Thành Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2017/HSST ngày 15/5/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Tiến D, sinh ngày 30/5/1979 tại: tỉnh Thái Bình; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/10; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1953 và bà Lê Thị L, sinh năm 1952; bị cáo là con thứ hai trong gia đình 04 anh em, người anh lớn sinh năm 1977 và em nhỏ sinh năm 1991; có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1984 và 02 người con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/11/2016 đến ngày 13/12/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đinh Văn H - Luật sư Văn phòng Luật sư V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kon Tum (có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1978

Trú tại: Xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Dương Quốc C, sinh năm 1980

Trú tại: Tổ 3, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (có giấy xin phép vắng mặt).

3. Anh Trần Trọng T, sinh năm 1970

Trú tại: Xã Y, thành phố K, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

4. Anh Trần Q, sinh năm 1970

Trú tại: 15 đường C, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

5. Anh Ngô Văn T, sinh năm 1970

Trú tại: 14 đường N, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

6. Anh Lương Văn K, sinh năm 1965

Trú tại: Xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum (có giấy xin báo vắng mặt).

7. Anh Phan L, sinh năm 1974

Trú tại: Thôn Y, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum (có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1970

Trú tại: Thôn K, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum thì bị cáo bị truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng năm 2007, Nguyễn Tiến D (nguyên Chỉ huy trưởng quân sự xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum), đi dự đám cưới gia đình bà Phạm Thị M có gặp và nói chuyện với một người bà con, họ hàng của bà M tên là Bùi Đức C. Trong lúc nói chuyện với nhau, Bùi Đức C có hỏi D về chuyện gia đình và công việc làm thì D nói “*em đang làm Xã đội trưởng ở xã Y, đã học xong lớp trung cấp quân sự rồi mà chưa có bằng cấp 3 và đang định đi học để thi*”. Nghe vậy, C nói với D “*học hành làm gì cho vất vả, có muốn chạy bằng cấp 3 không để anh giúp cho, anh có người quen ở Bộ giáo dục nên cứ yên tâm*”. D hỏi C về thủ tục để làm bằng như thế nào thì C nói “*em về chụp ảnh 4x6, photo giấy chứng minh nhân dân và tiền làm bằng là 6.000.000 đồng, tranh thủ lúc anh đang ở lại dự đám cưới thì đưa trước cho anh một ít tiền và các thủ tục trên để anh về bảo người ta làm luôn rồi khi nào xong thì anh gửi qua*

cho”, D đồng ý rồi chuẩn bị các giấy tờ và tiền đưa cho C (nhưng không nhớ rõ số tiền cụ thể). Khoảng 01 tuần sau, C gọi điện thoại cho D thông báo đã có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) và đã gửi cho xe khách từ thành phố (TP) Hồ Chí Minh về Kon Tum (không nhớ rõ xe khách nào) cho D và D gửi số tiền còn thiếu cho nhà xe khách để đưa cho C, rồi sau đó gửi số điện thoại của nhà xe để C liên hệ ra lấy tiền. Tổng số tiền mà D đã đưa cho C 02 lần để làm bằng tốt nghiệp THPT là 6.000.000 đồng. Sau khi có bằng tốt nghiệp THPT giả, Nguyễn Tiến D đã phô tô chứng thực và nộp vào Phòng Nội vụ huyện S, tỉnh Kon Tum để bổ sung hồ sơ cán bộ, công chức; phô tô nộp vào Trường Quân sự tỉnh Kon Tum để lấy bằng Trung cấp Quân sự; phô tô nộp vào Trường Chính trị tỉnh Kon Tum để lấy bằng Trung cấp Chính trị. Đến năm 2014, D đã tiêu hủy bằng tốt nghiệp THPT giả của mình (vứt dưới hồ nước). Sau khi sự việc phạm tội bị phát hiện bị cáo D đã chủ động khai nhận 08 lần phạm tội, làm bằng giả cho từng người khác cụ thể như sau:

Năm 2008, Nguyễn Tiến D đi học lớp trung cấp lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Kon Tum thì gặp Nguyễn Duy K. Vì là bạn học chung lớp quân sự với nhau nên K biết D chưa có bằng tốt nghiệp THPT, nên chỉ lấy được chứng chỉ công nhận hoàn thành lớp quân sự và chưa được nhận bằng tốt nghiệp trung cấp quân sự. Trong lúc nói chuyện với nhau K hỏi D “*đã lấy bằng Trung cấp quân sự chưa*”, D trả lời “*lấy rồi*”, K hỏi tiếp “*cậu thi tốt nghiệp cấp 3 khi nào mà hay vậy, hồi học ở trường Quân sự cậu mới lấy chứng chỉ mà*”, D trả lời “*mình có ông anh bên vợ, có quen người ở Bộ giáo dục*”. Nghe vậy, K liền nói “*mình cũng chưa có bằng cấp 3, cậu xem giúp mình với*”, D nói “*để mình gọi điện cho ông anh hỏi xem*”, ngay sau đó D gọi điện cho C hỏi có làm được bằng hay không thì C nói làm được, thủ tục và tiền chi phí làm bằng giống như làm bằng cho D. Sau đó, D nói lại với K, K đồng ý và D nói chi phí làm bằng là 6.500.000 đồng. Sau khi D nhận được thông tin cá nhân, ảnh thẻ và ứng trước một ít tiền của K (không nhớ số tiền cụ thể), D gửi xe khách từ Kon Tum vào TP. Hồ Chí Minh để đưa cho C, khoảng 01 tuần sau, C gọi điện thoại thông báo cho D biết đã làm xong bằng cho K và đã gửi bằng cho xe khách từ TP. Hồ Chí Minh về Kon Tum để D đưa cho K và nhận số tiền còn lại. Tổng số tiền K đưa cho D 02 lần là 6.500.000 đồng, nhưng D chỉ gửi cho C 6.000.000 đồng, còn 500.000 đồng D giữ lại để tiêu xài cá nhân. Sau khi có bằng tốt nghiệp THPT giả, K đã phô tô chứng thực nộp vào Phòng Nội vụ TP. Kon Tum để bổ sung hồ sơ cán bộ, công chức; nộp vào Trường Quân sự tỉnh Kon Tum để lấy bằng Trung cấp Quân sự; nộp vào Trường Chính trị tỉnh Kon Tum để lấy bằng Trung cấp Chính trị.

Cũng trong năm 2008, thông qua các mối quan hệ bạn bè quen biết từ trước và với cách thức làm bằng như đã nêu trên, bị cáo Nguyễn Tiến D đã

làm bằng tốt nghiệp THPT giả cho 06 người nữa hầu hết là bạn học cùng lớp quân sự với D, gồm: Dương Quốc C nguyên Phó Chủ tịch UBND phường T, thành phố K; Trần Trọng T, nguyên xã Đội phó xã Y; Trần Q, nguyên phường Đội trưởng phường T; Lương Văn K, nguyên xã Đội phó xã Đ; Phan L, nguyên Phó Bí thư Đảng xã, Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Đ, thành phố K, là bạn học cùng lớp quân sự với D; Ngô Văn T, nguyên Phó Bí thư Đảng ủy phường T (riêng T không phải là bạn học với D). Về chi phí làm bằng tốt nghiệp THPT giả là 8.000.000đồng/1 bằng (riêng đối với trường hợp Lương Văn K chi phí làm bằng là 7.500.000 đồng). Tổng số tiền mà D đã nhận những người làm bằng trong năm 2008 là (05 bằng x 8.000.000đồng/bằng) + 7.500.000 đồng = 47.500.000 đồng, trong đó D chuyển cho đối tượng làm bằng tên là C ở TP. Hồ Chí Minh là 36.000.000 đồng, còn lại 11.500.000 đồng D tiêu xài cá nhân hết. Sau khi có bằng tốt nghiệp THPT giả, Dương Quốc C đã phô tô chứng thực nộp vào Phòng Nội vụ thành phố K để bổ sung hồ sơ cán bộ, công chức; nộp vào Trường Quân sự tỉnh Kon Tum để lấy bằng Trung cấp Quân sự, nộp vào Trường Chính trị tỉnh Kon Tum để lấy bằng Trung cấp Chính trị; Trần Trọng T đã phô tô chứng thực nộp vào Trường Quân sự tỉnh Kon Tum để lấy bằng Trung cấp Quân sự; Trần Q đã phô tô chứng thực nộp vào Phòng Nội vụ thành phố K để bổ sung hồ sơ cán bộ, công chức; nộp vào Trường Quân sự tỉnh Kon Tum để lấy bằng Trung cấp Quân sự, nộp vào Trường Chính trị tỉnh Kon Tum để lấy bằng Trung cấp Chính trị; Ngô Văn T đã phô tô chứng thực nộp vào Phòng Nội vụ thành phố K, tỉnh Kon Tum để bổ sung hồ sơ cán bộ, công chức, nộp vào Trường Phân hiệu Đại học Đ tại Kon Tum để đi học lớp Đại học Luật tại chức; Lương Văn K phô tô chứng thực nộp vào Trường Quân sự tỉnh Kon Tum để lấy bằng Trung cấp Quân sự; nộp vào Trường Chính trị tỉnh Kon Tum để lấy bằng Trung cấp Chính trị; Phan L phô tô chứng thực nộp vào Phòng Nội vụ thành phố K để bổ sung hồ sơ cán bộ, công chức; nộp vào Trường Chính trị tỉnh Kon Tum để lấy bằng Trung cấp Chính trị; nộp vào Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Kon Tum để đi học Đại học Ngành Quản lý hành chính Nhà nước do Trường Đại học Q mở.

Năm 2012 (không nhớ ngày tháng cụ thể), cũng với hình thức làm bằng giả nêu trên, D tiếp tục làm một bằng THPT giả cho ông Phạm Văn T với số tiền chi phí là 8.000.000 đồng, D chuyển cho đối tượng làm bằng tên C là 6.000.000 đồng, số tiền còn lại 2.000.000 đồng, D tiêu xài cá nhân. Sau khi có bằng tốt nghiệp THPT giả, T đã phô tô chứng thực nộp vào Phòng Nội vụ thành phố K để bổ sung hồ sơ cán bộ, công chức, nộp vào Trường Quân sự tỉnh Kon Tum để lấy bằng Trung cấp Quân sự; nộp vào Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Kon Tum để đi học lớp Luật K53 do Đại học V mở.

Như vậy, từ năm 2008 đến năm 2012, bị cáo Nguyễn Tiến D đã nhờ đối tượng tên C làm cho mình 01 bằng tốt nghiệp THPT giả để sử dụng và thông qua đối tượng C làm 08 tấm bằng THPT giả cho 08 người khác, với tổng số tiền là 62.000.000 đồng. Trong đó, D chuyển cho đối tượng Bùi Đức C số tiền 48.000.000 đồng, số tiền mà Nguyễn Tiến D thu lợi bất chính là 14.000.000 đồng.

Bản kết luận giám định số: 24/GĐTP - 2016 ngày 15/9/2016, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum, kết luận:

1. 05 “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” cần giám định số 01472167 đứng tên Phạm Văn T; số 1773867/BTPT đứng tên Trần Q; số 1773869/BTPT đứng tên Dương Quốc C; số 1773872/BTPT đứng tên Trần Trọng T; số 1773762/BTPT đứng tên Ngô Văn T là không phải mẫu phôi bằng do Bộ giáo dục và đào tạo phát hành.

2. Hình dấu tròn có nội dung “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Tỉnh Kon Tum - Sở Giáo dục và đào tạo” đóng trên 05 “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” cần giám định với hình dấu tròn có nội dung trên tài liệu mẫu so sánh do Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum cung cấp là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn có nội dung “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Tỉnh Kon Tum - Sở Giáo dục và đào tạo” đóng trên “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” số 01472167 đứng tên Phạm Văn T được in bằng phương pháp in màu.

3. Chữ ký đứng tên Nguyễn Sỹ T trên 05 “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” cần giám định với chữ ký của ông Nguyễn Sỹ T trên tài liệu mẫu so sánh do Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum cung cấp là không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Sỹ T trên “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” số 01472167 đứng tên Phạm Văn T được in bằng phương pháp in màu.

Bản kết luận giám định số: 05/GĐTP - 2017 ngày 29/12/2016, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum, kết luận:

1. 03 “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” cần giám định số hiệu 3772631 đứng tên Nguyễn Duy K; số hiệu 7738291 đứng tên Lương Văn K; số hiệu 3276791 đứng tên Phan L là không phải mẫu phôi bằng do Bộ giáo dục và đào tạo phát hành; được in từ nhiều phương pháp in màu phối hợp.

2. Hình dấu tròn có nội dung “ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Tỉnh Kon Tum - Sở Giáo dục và đào tạo” đóng trên 03 “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” cần giám định với hình dấu tròn có nội dung

trên tài liệu mẫu so sánh do Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum cung cấp là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

3. Chữ ký đứng tên Nguyễn Sỹ T trên 03 “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” cần giám định với chữ ký của ông Nguyễn Sỹ T trên tài liệu mẫu so sánh do Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum cung cấp là không phải do cùng một người ký ra.

Đối với bằng tốt nghiệp THPT hệ bổ túc giả của Nguyễn Tiến D đã bị tiêu hủy nên Cơ quan ANĐT không thu giữ được để trưng cầu giám định (chỉ thu giữ được bản phô tô chứng thực). Tuy nhiên, qua xác minh tại Sở giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh, Trung tâm GDTX T, TP. Hồ Chí Minh và đối chiếu với bản phô tô bằng tốt nghiệp THPT mang tên Nguyễn Tiến D, số hiệu bằng 0148041/BTPT, số vào sổ cấp bằng: 03123/12MA04 - 00898; xác nhận không có học sinh mang tên Nguyễn Tiến D (sinh ngày 30/05/1979) học tại Trung tâm GDTX T TP. Hồ Chí Minh và không có tên trong danh sách tốt nghiệp THPT hệ bổ túc, khóa thi ngày 06/6/2005 tại Hội đồng thi Trường Trung học cơ sở C, hiện đang lưu trữ tại Sở giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh.

Vật chứng của vụ án Cơ quan ANĐT thu giữ gồm:

08 cái bằng THPT số hiệu 01472167 đứng tên Phạm Văn T; số hiệu 1773867/BTPT đứng tên Trần Q; số hiệu 1773869/BTPT đứng tên Dương Quốc C; số hiệu 1773872/BTPT đứng tên Trần Trọng T; số hiệu 1773762/BTPT đứng tên Ngô Văn T; số hiệu 3772631 đứng tên Nguyễn Duy K; số hiệu 7738291 đứng tên Lương Văn K; số hiệu 327679 đứng tên Phan L. Những vật chứng này tiếp tục tạm giữ chờ xử lý.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Tiến D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đã nộp 14.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính cho Cơ quan Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum, số tiền này tiếp tục tạm giữ chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 19/KSĐT-TA ngày 11 tháng 5 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến D về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng và đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến D mức án từ 24 đến 36 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính 14.000.000

đồng bị cáo D đã giao nộp. Đối với 08 bằng giả thu giữ được là vật chứng chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đề nghị lưu giữ hồ sơ vụ án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, vì bị cáo trong quá trình hoạt động, công tác xã hội có nhiều thành tích xuất sắc được tặng thưởng nhiều giấy khen. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 3 BLHS 1999; Điều 3, Điều 29 BLHS 2015 về áp dụng có lợi đối với bị cáo; Điều 60 BLHS với lý do bị cáo đầy đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Với mục đích để bổ túc hồ sơ cán bộ, công chức xã và được lấy bằng Trung cấp các lớp Quân sự, Chính trị, trong năm 2007 Nguyễn Tiến D đã gặp và nhờ Bùi Đức C làm cho D một bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông giả để sử dụng. Sau khi sự việc phạm tội bị phát hiện bị cáo D đã chủ động khai nhận với Cơ quan điều tra, đó là trong thời gian từ năm 2008 đến năm 2012, bị cáo Nguyễn Tiến D thông qua đối tượng Bùi Đức C, đã 08 lần làm bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông giả cho Nguyễn Duy K, Dương Quốc C, Trần Trọng T, Trần Q, Ngô Văn T, Lương Văn K, Phan L và Phạm Văn T, với tổng số tiền là 62.000.000 đồng. Trong đó, D chuyển đối tượng Bùi Đức C số tiền 48.000.000 đồng, số tiền mà Nguyễn Tiến D thu lợi bất chính là 14.000.000 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, biết việc làm của mình trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện để vụ lợi cá nhân. Hành vi đó của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*" với tình tiết định khung "*Phạm tội nhiều lần*". Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Nguyễn Tiến D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm trực tiếp đến sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu, đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn. Do đó, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng thấy rằng bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về

hành vi phạm tội; khi bị phát hiện bị cáo đã tự khai báo ra những lần phạm tội trước đó đã nhờ C làm bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông cho Nguyễn Duy K, Dương Quốc C, Trần Trọng T, Trần Q, Ngô Văn T, Lương Văn K, Phan L và Phạm Văn T; bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để điều tra, xử lý nhanh tội phạm. Đồng thời, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, vợ bị cáo đang điều trị bệnh ung thư tuyến giáp, không có việc làm ổn định và đang nuôi 02 con nhỏ; bị cáo có thời gian quân ngũ từ năm 1998 - 2000; trong quá trình hoạt động, công tác xã hội có nhiều thành tích xuất sắc được tặng thưởng nhiều giấy khen. Hơn nữa, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội bị cáo chấp hành đúng chủ trương, chính sách pháp luật. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm o, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cần thiết áp dụng để bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật. Hội đồng xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án có thời gian thử thách cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

Đối với các đối tượng có hành vi sử dụng bằng Trung học phổ thông giả, gồm: Nguyễn Duy K, Dương Quốc C, Trần Trọng T, Trần Q, Ngô Văn T, Lương Văn K, Phan L và Phạm Văn T (trong đó, Lương Văn K là người dân tộc thiểu số đã nghỉ công tác; Nguyễn Duy K bị bệnh tai biến mạch máu não, liệt $\frac{1}{2}$ người). Xét, mục đích sử dụng bằng giả của các đối tượng là để được đi học nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn phục vụ công tác và nộp bổ sung vào hồ sơ cán bộ để đáp ứng tiêu chuẩn hóa cán bộ, công chức cấp xã, phường, gây thiệt hại không lớn, tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể; có nhiều thành tích đóng góp hiệu quả vào công cuộc xây dựng và bảo vệ xã hội của địa phương. Đến nay, các đối tượng Dương Quốc C, Phan L, Trần Q, Ngô Văn T, Phạm Văn T đã bị Ủy ban kiểm tra - Thành Ủy K xử lý kỷ luật về mặt Đảng Cách chức Đảng ủy viên xã, phường nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Đối với đối tượng Bùi Đức C là người trực tiếp làm bằng Trung học phổ thông giả đã sử dụng nhiều phương thức, thủ đoạn để che dấu tung tích. Hiện nay Bùi Đức C đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 bằng Trung học phổ thông hệ bổ túc là bản sao có chứng thực của bị cáo (bút lục 93) và 08 bằng Trung học phổ thông đứng tên Phạm Văn T, Trần Q, Dương Quốc C, Trần Trọng T, Ngô Văn T, Nguyễn Duy K, Lương Văn K và Phan L là bằng giả không có giá trị sử dụng cần tịch thu và tiêu hủy.

Số tiền 14.000.000 đồng Nguyễn Tiến D đã giao nộp cho cơ quan điều tra (bị cáo khai nhận đây là số tiền chi phí làm bằng trong đó Nguyễn Duy K đưa bị cáo 6.500.000 đồng bị cáo giữ lại 500.000 đồng; Dương Quốc C, Trần Trọng T, Trần Q, Ngô Văn T, Phan L và Phạm Văn T mỗi người đưa bị cáo 8.000.000 đồng bị cáo giữ lại của mỗi người 2.000.000 đồng; riêng Lương Văn K đưa bị cáo 7.500.000 đồng bị cáo giữ lại 1.500.000 đồng). Đây là số tiền bị cáo có được do phạm tội mà có cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 48.000.000 đồng bị cáo nhận của Nguyễn Duy K, Dương Quốc C, Trần Trọng T, Trần Q, Ngô Văn T, Lương Văn K, Phan L và Phạm Văn T mỗi người 6.000.000 đồng để chi phí làm bằng giả, bị cáo khai nhận đã đưa toàn bộ số tiền này cho Bùi Đức C. Hiện nay, cơ quan điều tra đã xác định được lý lịch đối tượng Bùi Đức C nhưng đối tượng Bùi Đức C hiện nay đang bỏ đi khỏi nơi cư trú. Do đó, Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào xử lý đối tượng Bùi Đức C đồng thời sẽ xử lý số tiền mà đối tượng C đã nhận từ bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiến D phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm o, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến D 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/9/2017). Giao bị cáo Nguyễn Tiến D cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện S, tỉnh Kon Tum giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy 09 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông giả sau:

- 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hệ bổ túc mang tên Nguyễn Tiến D, sinh ngày 30/5/1979, số hiệu bằng 0148041/BTPT, vào sổ cấp bằng số

03123/12MA04-00898 ngày 09/09/2005 do Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo TP. Hồ Chí Minh Huỳnh Công M ký ngày 09/09/2005 (bản sao có chứng thực ngày 04/7/2007).

- 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông mang tên Ngô Văn T, sinh ngày 26/4/1970, số hiệu bằng: 1773762/BTPT, vào sổ cấp bằng số: 08/601/00130093 do Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum Nguyễn Sỹ T ký ngày 24/10/2008.

- 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông mang tên Trần Trọng T, sinh ngày 12/02/1970, số hiệu bằng: 1773872/BTPT, vào sổ cấp bằng số: 08/601/00130075 do Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum Nguyễn Sỹ T ký ngày 24/10/2008.

- 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông mang tên Dương Quốc C, sinh ngày 26/3/1980, số hiệu bằng: 1773869/BTPT, vào sổ cấp bằng số: 08/601/00130081 do Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum Nguyễn Sỹ T ký ngày 24/10/2008.

- 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông mang tên Trần Q, sinh ngày 30/10/1970, số hiệu bằng: 1773867/BTPT, vào sổ cấp bằng số: 08/601/00130089 do Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum Nguyễn Sỹ T ký ngày 24/10/2008.

- 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông mang tên Phạm Văn T, sinh ngày 20/6/1970, số hiệu: 01472167, số vào sổ cấp bằng số: 3310045230 do Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum Nguyễn Sỹ T ký ngày 01/11/2012.

- 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông mang tên Phan L, sinh ngày 24/10/1974, số hiệu bằng: 3276791/BTPT, vào sổ cấp bằng số: 08/601/00130075 do Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum Nguyễn Sỹ T ký ngày 24/10/2008.

- 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông mang tên Lương Văn K, sinh ngày 07/4/1965, số hiệu bằng: 7738291/BTPT, vào sổ cấp bằng số: 08/601/00130081 do Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum Nguyễn Sỹ T ký ngày 24/10/2008.

- 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông mang tên Nguyễn Duy K, sinh năm 1978, số hiệu bằng: 3772631/BTPT, vào sổ cấp bằng số: 08/601/00130172 do Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum Nguyễn Sỹ T ký ngày 25/11/2008.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng do bị cáo Nguyễn Tiến D đã giao nộp.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/5/2017 giữa Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Kon Tum với Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum; theo biên lai thu tiền số AA/2010/0004995 ngày 25/4/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum; hồ sơ vụ án (bút lục 93)).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo **Nguyễn Tiến D** phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/9/2017) bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- CA tỉnh;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- NCQLNVLQ (vắng mặt);
- Lưu HS.

T/M . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thúy Cầu

